

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 20/6/2019

V/ v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và bà Nguyễn Thị Lan Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (*có mặt*).

ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường Quang, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 1990 (*có mặt*)

ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1962. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số nhà X, phố T, thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người kháng cáo: Chị Lâm Thị D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D kết hôn năm 2014, trước khi kết hôn có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hôn nhân là tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình bên ngoại can thiệp nhưng không có kết quả, bản thân chị D và gia đình bên ngoại thường xuyên nói xấu anh, gia đình bên nội và hai gia đình cũng đã ngồi lại để giải quyết nhưng không hòa hợp được, vợ chồng đã ly thân từ nhiều tháng nay, hiện không ai còn quan tâm chăm sóc ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ninh H, sinh ngày 18/10/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung, nếu chị D có nguyện vọng nuôi con anh cũng nhất trí, nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị D.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lâm Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D khai chị và anh kết hôn và chung sống như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng chị hiện đã sống ly thân được một thời gian, hiện không còn quan tâm đến nhau. Nhưng chị xác định vẫn còn tình cảm với anh T, chị không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ninh H, sinh ngày 18/10/2016. Con chung hiện đang ở cùng chị, nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố S đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Lâm Thị D. Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Lâm Thị D.

2. *Về con chung*:

- Giao chị Lâm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Ninh H, sinh ngày 18/10/2016. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai bị cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lâm Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về công nợ*: Không có.

5. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0007556 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hướng dẫn thi hành án dân sự, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2019 chị Lâm Thị D làm đơn kháng cáo không nhất trí với bản án với lý do:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị không nhất trí ly hôn với anh T, nếu giải quyết ly hôn thì phải giải quyết về chia tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị bác đơn ly hôn của anh T để vợ chồng chung sống nuôi con chung,

tình cảm vợ chồng vẫn còn vì anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn chị, không phải vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm.

- Về con chung: Trong trường hợp cho ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con chung trưởng thành do mức thu nhập anh T trình bày tại Tòa án nhân dân thành phố S là 30.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm chị D vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1.] Về tố tụng : Đơn kháng cáo của chị D làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Đối với kháng cáo về quan hệ hôn nhân của chị D HĐXX nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm chị D giữ nguyên kháng cáo xin được đoàn tụ nhưng thực tế chị D và anh T cũng xác định hiện anh chị đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, chị D cũng xác định chị kháng cáo như vậy nhưng thực tế chị và anh T cũng khó có thể ở được cùng nhau. Anh T vẫn như nguyên quan điểm kiên quyết xin được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh T chị D không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên kháng cáo của chị D về quan hệ hôn nhân là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về kháng cáo nuôi con: Chị D kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con chung, HĐXX nhận thấy cấp sơ thẩm đã giao quyền nuôi con chung là cháu Nguyễn Ninh H, sinh ngày 18/10/2016 cho chị D là có căn cứ.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D kháng cáo yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con chung trưởng thành: HĐXX nhận thấy anh T vẫn đang thực hiện hợp đồng mới có hiệu lực từ ngày 01/3/2019, thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 15/3/2019 anh T xác định thu nhập thực tế của anh là 30.000.000đ/tháng, đến nay anh vẫn đang thực hiện hợp đồng này. Xét thấy quyết định của bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng so với mức thu nhập của anh T khai là chưa phù hợp cần xem xét tăng mức cấp

dưỡng cho cháu H lên 3.000.000đ/tháng để bảo đảm quyền lợi của cháu. Nên kháng cáo của chị D về việc tăng cấp dưỡng cho cháu H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm tại biên bản về việc kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 25/12/2018 (Bút lục 21), biên bản về việc kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/01/2019 (Bút lục 33) và biên bản hòa giải ngày 15/01/2019 (Bút lục 36) chị D đều xác định không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập và không đề nghị giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm chị D mới có yêu cầu giải quyết về phần tài sản và đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải thích về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với phần tài sản chung là có căn cứ. Nếu chị D có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Kháng cáo của chị D đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn không có căn cứ chấp nhận.

[6]. Nợ chung: Anh T chị D không yêu cầu, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

[8]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

[9]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát là không chấp nhận kháng cáo của chị D giữ nguyên bản án sơ thẩm 06/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

[10]. Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên bác kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy về quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản chung như đã phân tích ở trên

cần chấp nhận, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung này. Đối với nội dung cấp dưỡng như phân tích ở trên cần sửa án sơ thẩm tăng cấp dưỡng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lâm Thị D, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T với chị Lâm Thị D. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Lâm Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ninh H, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Lâm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận anh T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007556 ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên và anh T còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lâm Thị D không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007648 ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. S;
- THADS TP. S;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thuận